裁判救濟程序

Điều khoản hướng dẫn trình tự khiếu nại bằng văn bản đối với phán quyết

壹、 地方法院行政訴訟庭之教示條款

Điều khoản hướng dẫn tại phiên tòa tố tụng hành chính của Tòa án địa phương

301 得上訴

301 Được kháng cáo

如不服本判決，應於判決送達後 20 日內，以原判決違背法令為理由，向本院提出上訴狀並表明上訴理由（原判決所違背之法令及其具體內容或依訴訟資料可認為原判決有違背法令之具體事實）。其未載明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內，向本院補提理由書（上訴狀及上訴理由書均須按他造人數附繕本），並繳納上訴裁判費新臺幣 3,000 元；如未按期補提上訴理由書，則逕以裁定駁回上訴。

Khi không đồng ý với phán quyết này, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phán quyết, nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo với lý do là phán quyết ban đầu là đã vi phạm pháp luật (nội dung điều khoản luật mà phát quyết ban đầu vi phạm hoặc chứng cứ cụ thể trong hồ sơ tố tụng chứng minh rằng phán quyết ban đầu vi phạm pháp luật). Khi chưa trình bày lý do kháng cáo, sau khi đã nộp đơn kháng cáo, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn trình bày lý do cho Tòa án (phải đính kèm bản sao của đơn kháng cáo và đơn lý do kháng cáo theo số người của đương sự phía bên kia), và phải nộp 3.000 Đài tệ phí xem xét và ra phán quyết đối với đơn kháng cáo; nếu không nộp bổ sung đơn lý do kháng cáo trong thời hạn, thì sẽ bác đơn kháng cáo bằng phán quyết của Tòa án.

302 得抗告（一般裁定）

302 Được kháng cáo (Phán quyết chung)

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，以書狀敘明理由向本院提出抗告狀。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết,

trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án có nêu rõ lý do bằng văn bản.

303 得抗告（收容聲請裁定）
303 Được kháng cáo (Đề nghị ra phán quyết tạm giữ)
如不服本裁定，應於裁定送達後 5 日內，向本院提出抗告狀。（應附繕本）

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 5 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao).

304 不得抗告
304 Không được kháng cáo
本裁定不得抗告。

Phán quyết này không được kháng cáo.

305 不得聲明不服
305 Không được bày tỏ không chấp thuận
不得聲明不服。

Không được bày tỏ không chấp thuận.

貳、 高等行政法院之教示條款

Điều khoản hướng dẫn của Tòa án hành chính cấp cao

306 得上訴

306 Được kháng cáo

一、如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院提出上訴狀並表明上訴理由，如於本判決宣示後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書（須按他造人數附繕本）。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 20 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án và nêu rõ lý do kháng cáo, nếu sau khi phán quyết này đã được đưa ra, mà kháng cáo trước khi tống đạt, thì sau khi tống đạt, trong thời hạn 20 ngày phải bổ sung đơn nêu lý do kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

二、上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書。（行政訴訟法第 241 條之 1 第 1 項前段）

Khi kháng cáo phải ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng, và đưa ra giấy ủy nhiệm. (đoạn văn trên của khoản 1 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính).

三、但符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人。（同條第 1 項但書、第 2 項）

Nhưng các trường hợp sau đây được ngoại lệ không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng (điều khoản ngoại lệ tại khoản 1, khoản 2 điều 241-1 Luật tố tụng hành chính).

得不委任律師為訴訟代理人之情形 Trường hợp không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng	所需要件 Điều kiện cần thiết
(一)符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人	1. 上訴人或其法定代理人具備律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。 Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của

Phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, thì không cần ủy nhiệm luật sư làm Người đại diện tố tụng	Người kháng cáo là người đã có tư cách luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư giảng dạy môn luật tại trường đại học hoặc học viện độc lập đã được Bộ Giáo dục thẩm định đạt chuẩn. 2. 稅務行政事件，上訴人或其法定代理人具備會計師資格者。 Vụ việc hành chính về thuế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người đã có tư cách hành nghề kế toán. 3. 專利行政事件，上訴人或其法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。 Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, Người kháng cáo hoặc Người đại diện theo pháp luật của Người kháng cáo là người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật.
(二)非律師具有右列情形之一，經最高行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人 Người không phải là luật sư nhưng phù hợp một trong các điều kiện nêu tại ô bên phải, đồng thời được Tòa án hành chính tối cao nhận định có tư cách phù hợp, cũng có thể làm Người đại diện theo	1. 上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。 Người có tư cách luật sư là vợ/chồng hoặc là người thân thích có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời hoặc là người thân thích có mối quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời với Người kháng cáo. 2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。 Vụ việc hành chính về thuế, người đã có tư cách hành nghề kế toán. 3.專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。 Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có bằng chuyên viên sáng chế hoặc là Người đại diện về độc quyền sáng chế căn cứ theo quy định của pháp luật.

pháp luật của Người kháng cáo.	4. 上訴人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。 Khi bên kháng cáo không phải là đoàn thể pháp nhân mà là tổ chức công quyền, cơ quan trung ương hoặc địa phương, có nhân viên chuyên trách thực hiện công tác nghiệp vụ pháp chế, pháp vụ, khiếu nại hoặc các nghiệp vụ liên quan đến vụ việc tố tụng.
是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，上訴人應於提起上訴或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。 Phù hợp điều kiện tại điểm (1) hoặc (2), là trường hợp ngoại lệ trong yêu cầu buộc phải có luật sư làm Người đại diện tố tụng, Người kháng cáo phải nêu rõ khi đưa ra kháng cáo hoặc ủy nhiệm, đồng thời phải đưa ra bản sao của văn bản có nêu rõ về mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy nhiệm.	

307 不得上訴

307 Không được kháng cáo

不得上訴。

Không được kháng cáo.

308 得抗告

308 Được kháng cáo

如不服本裁定，應於送達後 10 日內向本院提出抗告狀（須按他造人數附繕本）。

Khi không đồng ý với phán quyết này, sau khi nhận được văn bản phán quyết, trong thời hạn 10 ngày phải nộp đơn kháng cáo cho Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số người của đương sự phía bên kia).

309 不得抗告

309 Không được kháng cáo

不得抗告。

Không được kháng cáo.

310 不得聲明不服

310 Không được bày tỏ không chấp thuận

不得聲明不服。

Không được bày tỏ không chấp thuận.